

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO THI VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : An toàn, sức khỏe và môi trường - MH1104241

Mã lớp học phần: 25111MH110424101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Ngọc Bích - (04142)

Ngày thi: 20/8/25 Giờ thi: Phòng thi: A1.5

Giám thị 1: Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1	An	9,5	Chín, năm	
2	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1	Bao	7,0	Bảy, Không	
3	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1	Bao	9,3	Chín, ba	
4	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1	Di	8,0	Tám, Không	
5	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1	Minh	8,8	Tám, tám	
6	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1	Dat	8,8	Tám, tám	
7	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1	Gia	9,5	Chín, năm	
8	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1	Han	9,5	Chín, năm	
9	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1	Kien	8,8	Tám, tám	
10	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1	Khoa	9,5	Chín, năm	
11	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1	Khoi	8,8	Tám, tám	
12	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1	Lam	9,5	Chín, năm	
13	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1	Nhi	9,5	Chín, năm	
14	2410150020	Lê Hữu Nhật	19/10/2005	C26LG1	Nhat	9,5	Chín, năm	
15	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1	Tan	8,0	Tám, Không	
16	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1	Tho	9,5	Chín, năm	
17	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1	Tho	9,8	Chín, tám	
18	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1	Thuan	9,5	Chín, năm	
19	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1	Thu	9,5	Chín, năm	
20	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1	Truc	9,0	Chín, Không	
21	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1	Thu	9,3	Chín, ba	
22	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1	Uy	8,0	Tám, Không	
23	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1		-		

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 23 vắng thi: 01 Số bài thi: 22 / 23

Ngày 24 tháng 8 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 20 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc Bích

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : An toàn, sức khỏe và môi trường - MH1104241

Mã lớp học phần: 25111MH110424101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Ngọc Bích - (04142)

Ngày thi: 12/9/25 Giờ thi: _____ Phòng thi: DM4

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1		8,0	Tám, không	
2	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1		8,4	Tám, bốn	
3	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1		6,7	Sáu, bảy	
4	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1		8,0	Tám, không	
5	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1		8,4	Tám, bốn	
6	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1		8,5	Tám, năm	
7	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1		8,2	Tám, hai	
8	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1		8,0	Tám, không	
9	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1		6,2	Sáu, hai	
10	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1		7,0	Bảy, không	
11	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1		8,2	Tám, hai	
12	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1		8,4	Tám, bốn	
13	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1		8,4	Tám, bốn	
14	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	C26LG1		8,5	Tám, năm	
15	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1		8,0	Tám, không	
16	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1		8,6	Tám, sáu	
17	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1		8,5	Tám, năm	
18	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1		8,4	Tám, bốn	
19	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1		8,3	Tám, ba	
20	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1		8,4	Tám, bốn	
21	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1		8,5	Tám, năm	
22	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1		6,7	Sáu, bảy	
23	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1		-		

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 01 . Số bài thi: 22 / 23 .

Ngày 10 tháng 9 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 19 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc Bích

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO THÍ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : An toàn, sức khỏe và môi trường - MH1104241

Mã lớp học phần: 25111MH110424101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Ngọc Bích - (04142)

Ngày thi: 20/8/25 Giờ thi: _____ Phòng thi: A15

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		9,0	Chín, Không	
2	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		9,5	Chín, năm	
3	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2		8,5	Tám, năm	
4	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		8,5	Tám, năm	
5	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		8,5	Tám, năm	
6	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		9,8	Chín, tám	
7	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2		7,5	Bảy, năm	
8	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		9,3	Chín, ba	
9	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2		-		
10	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		8,0	Tám, Không	
11	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		7,3	Bảy, ba	
12	2410150053	Lâm Bảo Trọng	15/05/2006	C26LG2		-		
13	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		8,5	Tám, năm	
14	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		9,5	Chín, năm	
15	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		8,8	Tám, tám	
16	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		9,5	Chín, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 02 . Số bài thi: 14 / 16 .

Ngày 24 tháng 8 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 20 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTĐN
**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : An toàn, sức khỏe và môi trường - MH1104241

Mã lớp học phần: 25111MH110424101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Ngọc Bích - (04142)

Ngày thi: 12/9/25 Giờ thi: _____ Phòng thi: RM4

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		6,7	Sáu, bảy	
2	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		8,4	Tám, bốn	
3	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2		6,6	Sáu, sáu	
4	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		8,5	Tám, năm	
5	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		8,5	Tám, năm	
6	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		8,0	Tám, không	
7	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2		8,2	Tám, hai	
8	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		6,3	Sáu, ba	
9	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2		-		
10	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		6,0	Sáu, không	
11	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		8,2	Tám, hai	
12	2410150053	Lâm Bảo Trọng	15/05/2006	C26LG2		-		
13	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		6,6	Sáu, sáu	
14	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		8,5	Tám, năm	
15	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		8,4	Tám, bốn	
16	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		8,6	Tám, sáu	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 02 . Số bài thi: 14 / 16

Ngày 10 tháng 9 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hòa

Ngày 19 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO THI VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN
Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : An toàn, sức khỏe và môi trường - MH1104241

Mã lớp học phần: 25111MH110424101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Ngọc Bích - (04142)

Ngày thi: 20/8/25 Giờ thi: Phòng thi: A1.5

Giám thị 1: Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150007	Nguyễn Minh Huy	15/09/2004	C25LG1		8,3	Tám, ba	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 00 . Số bài thi: 02 / 01 .

Ngày 21 tháng 8 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 20 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc Bích



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : An toàn, sức khỏe và môi trường - MH1104241

Mã lớp học phần: 25111MH110424101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Ngọc Bích - (04142)

Ngày thi: 12/9/25 Giờ thi: _____ Phòng thi: PM4

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150007	Nguyễn Minh Huy	15/09/2004	C25LG1		6,4	Sáu bốn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 00. Số bài thi: 01/01.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 19 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc Bích

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : An toàn, sức khỏe và môi trường - MH1104241

Giám thị 1: Phan Thành Tường

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25111MH110424101 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Lê Anh Thy Thy

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Ngọc Bích

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 06/11/2025

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: A1.8

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006			7,5	Bảy, năm	C26LG1	
2	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006			5,0	Năm, không	C26LG2	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006			0,0	Không, không	C26LG1	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006			4,5	Bốn, năm	C26LG1	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006			5,8	Năm, tám	C26LG1	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004			6,0	Sáu, không	C26LG1	
7	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006			5,8	Năm, tám	C26LG1	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005			8,5	Tám, năm	C26LG1	
9	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006			6,0	Sáu, không	C26LG2	
10	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006			5,0	Năm, không	C26LG1	
11	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006			2,5	Hai, năm	C26LG2	
12	2310150007	Nguyễn Minh Huy	15/09/2004			2,3	Hai, ba	C25LG1	
13	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005			3,8	Ba, tám	C26LG2	
14	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006			5,0	Năm, không	C26LG2	
15	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006			5,0	Năm, không	C26LG1	
16	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006			5,0	Năm, không	C26LG1	
17	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006			5,8	Năm, tám	C26LG1	
18	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006			6,5	Sáu, năm	C26LG1	
19	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006			2,0	Hai, không	C26LG2	
20	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006			2,5	Hai, năm	C26LG2	
21	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006			5,0	Năm, không	C26LG2	
22	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006			8,5	Tám, năm	C26LG1	
23	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005			6,0	Sáu, không	C26LG1	
24	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006			6,0	Sáu, không	C26LG2	
25	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006			6,5	Sáu, năm	C26LG1	
26	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006			5,5	Năm, năm	C26LG1	
27	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006			7,8	Bảy, tám	C26LG1	
28	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006			6,5	Sáu, năm	C26LG2	
29	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006			7,0	Bảy, không	C26LG1	
30	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003			8,5	Tám, năm	C26LG1	
31	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006			6,0	Sáu, không	C26LG2	
32	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005			8,5	Tám, năm	C26LG1	
33	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006		1	6,5	Sáu, năm	C26LG1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006			3,5	Ba, năm	C26LG1	
35	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004			8,0	Tám, Không	C26LG2	
36	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006			9,0	Chín, Không	C26LG2	
37	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006			7,5	Bảy, Năm	C26LG2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 36+1 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 36+1 /

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 15 tháng 11 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

Ngày: 15 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc Bích

